**SÖÏ PHAÙT SINH VAØ PHAÙT TRIEÅN CUÛA SÖÏ SOÁNG TREÂN TRAÙI ÑAÁT**

1. Cô sôû vaät chaát chuû yeáu cuûa söï soáng laø:

A. Lipit vaø axit nucleâic . B. Proteâin vaø axit nucleâic.

C. ADN vaø ARN. D. ADN vaø proâteâin.

2. ÔÛ caáp ñoä phaân töû, caáu taïo cuûa vaät chaát höõu cô khaùc vôùi hôïp chaát voâ cô veà:

A. chöùc naêng cuûa caùc nguyeân toá. B. möùc ñoä hoaït ñoäng cuûa caùc nguyeân toá.

C. tính chaát cuûa caùc nguyeân toá. D. thaønh phaàn, haøm löôïng cuûa caùc nguyeân toá.

3. Ñaëc ñieåm naøo sau ñaây coù ôû caû vaät soáng vaø vaät khoâng soáng:

A. trao ñoåi chaát vôùi moâi tröôøng theo phöông thöùc ñoàng hoaù, dò hoaù.

B. coù khaû naêng töï ñieàu chænh, töï ñoåi môùi.

C. ñöôïc xaây döïng töø caùc nguyeân toá hoùa hoïc.

D. coù khaû naêng nhaân ñoâi vaø di truyeàn.

4. Ñaëc tính naøo sau ñaây giuùp cho cô theå soáng coù khaû naêng thích öùng vôùi söï bieán ñoåi cuûa moâi tröôøng?

A. Coù khaû naêng töï ñieàu chænh.

B. Coù khaû naêng nhaân ñoâi.

C. Coù khaû naêng tích luyõ thoâng tin di truyeàn.

D. Trao ñoåi chaát theo phöông thöùc ñoàng hoaù vaø dò hoaù.

5. Keát luaän naøo sau ñaây khoâng ñuùng?

A. Moïi toå chöùc soáng laø nhöõng heä môû, thöôøng xuyeân trao ñoåi chaát vôùi moâi tröôøng ngoaøi.

B. Caùc toå chöùc soáng thöôøng xuyeân töï ñoåi môùi laø vì noù khoâng ngöøng trao ñoå chaát vôùi moâi tröôøng.

C. Chæ coù sinh vaät môùi trao ñoåi chaát vôùi moâi tröôøng ngoaøi.

D. Trao ñoåi chaát theo phöông thöùc ñoàng hoaù, dò hoaù vaø sinh saûn laø daáu hieäu quan troïng ñeå phaân bieät sinh vaät vôùi vaät voâ sinh.

6. Khoa hoïc hieän ñaïi khaúng ñònh söï soáng ñöôïc phaùt sinh töø chaát voâ cô. Ngöôøi ta chia söï phaùt sinh söï soáng ra maáy giai ñoaïn?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

7. Caùc toå chöùc soáng coù khaû naêng tích luyõ thoâng tin di truyeàn laø nhôø

A.noù coù khaû naêng sinh saûn ñeå duy trì noøi gioáng.

B. noù coù khaû naêng phaùt sinh vaø tích luyõ caùc ñoät bieán.

C. noù coù khaû naêng di truyeàn caùc ñaëc ñieåm voán coù cuûa loaøi.

D. caû A, B vaø C.

8. Khi noùi veà phaùt sinh söï soáng, ñieàu naøo sau ñaây khoâng ñuùng?

A. Phaùt sinh söï soáng laø quaù trình tieán hoaù cuûa caùc hôïp chaát cuûa cacbon.

B. Söï soáng ñaàu tieân ñöôïc phaùt sinh töø caùc hôïp chaát voâ cô theo con ñöôøng hoaù hoïc.

C. Ngaøy nay, söï soáng vaãn ñang ñöôïc hình thaønh töø caùc daïng khoâng soáng.

D. Chæ coù heä töông taùc protein – axit nucleic môùi coù khaû naêng nhaân ñoâi, töï ñoåi môùi.

9. Baûn chaát cuûa giai ñoaïn tieán hoaù hoaù hoïc laø:

A. toång hôïp chaát höõu cô cho söï soáng töø caùc chaát höõu cô coù saün trong töï nhieân.

B. toång hôïp nhöõng chaát höõu cô töø caùc chaát voâ sô nhôø söï xuùc taùc cuûa enzim.

C. toång hôïp nhöõng chaát höõu cô töø caùc chaát voâ cô theo phöông thöùc hoaù hoïc.

D. toång hôïp nhöõng chaát höõu cô töø caùc chaát voâ cô vaø höõu cô coù saün.

10. Naêm 1953 S.Milô ñaõ tieán haønh thí nghieâm “Cho tia töû ngoaïi chieáu qua moät hoãn hôïp hôi nöôùc, CH4, NH3, CO thì thu ñöôïc nhöõng axit amin. Ñöôïc ñun noùng töø 150oC ñeán 180oC, moät soá hoãn hôïp axit amin ñaõ taïo thaønh nhöõng maïch poâlipeptit”.

Thí nghieäm naøy nhaèm chöùng minh:

A. Cô theå soáng ñöôïc taïo ra töø chaát voâ cô.

B. Caùc chaát höõu cô ñaàu tieân ñöôïc hình thaønh töø caùc chaát voâ cô.

C. Coù theå toång hôïp ñöôïc proâteâin töø hôi nöôùc vaø caùc chaát voâ cô khaùc.

D. Con ngöôøi coù theå taïo ra ñöôïc vaät theå soáng töø caùc chaát khoâng soáng.

11. ÔÛ giai ñoaïn tieán hoaù tieàn sinh hoïc, CLTN taùc ñoäng chuû yeáu vaøo caáp ñoä

A. Phaân töû B. Giao töû C. Teá baøo D. Caù theå.

12. Ngaøy nay, söï soáng khoâng coøn ñöôïc tieáp tuïc hình thaønh töø caùc chaát voâ cô theo phöông thöùc hoaù hoïc. Nguyeân nhaân chuû yeáu vì:

A. thieáu nhöõng ñieàu kieän lòch söû caàn thieát.

B. chaát huõu cô bò caùc vi sinh vaät phaân huyû.

C. khoâng ñuï thôøi gian ñeå hình thaønh neân söï soáng.

D. con ngöôøi ñaõ can thieäp quaù saâu vaøo thieân nhieân.

13. Chaát naøo sau ñaây khoâng coù trong khí quyeån cuûa Traùi Ñaát nguyeân thuyû?

A. CH4 B. NH3 C. C2N2 D. CO2

14. Noùi veà söï tieán hoaù hoaù hoïc, ñieàu naøo sau ñaây khoâng ñuùng?

A. Töø caùc chaát voâ cô ñaõ hình thaønh neân caùc hôïp chaát höõu cô ñaàu tieân laø cacbua hidro.

B. Lipit, saccarit, protein, axit nucleic ñeàuxuaát hieän sau cacbua hidro.

C. ÔÛ trong khoâng khí, caùc hôïp chaát höõucô keát hôïp vôùi nhau ñeå hình thaønh caùc heä töông taùc.

D. Taát caû caùc hôïp chaát höõu cô ñeàu khoâng bò phaân huyû maø ñöôïc rôi xuoáng bieån, ñaïi döông.

15. Khi noùi veà gioït coâaxecva, ñieàu naøo sau ñaây khoâng ñuùng?

A. Caùc gioït coaxecva ñöôïc hình thaønh do hai dung dòch keo töông taùc vôùi nhau.

B. Caùc gioït coâaxecva coù khaû naêng haáp thuï caùc chaát höõu cô vaø sinh tröôûng.

C. Gioït coaxecva coù khaû naêng phaân chia thaønnh nhöõng gioït môùi vì noù chöùa axit nucleic.

D. Hình thaønh gioït coaxecva laø giai ñoaïn ñaàu tieân cuûa tieán hoaù tieàn sinh hoïc.

16. Hình thaønh gioït coaxecva coù khaû naêng sinh saûn laø daáu hieäu ñaùnh daáu söï xuaát hieän

A. vaät chaát di truyeàn B. toå chöùc soáng ñaàu tieân

C. tieán hoaù hoaù hoïc D. tieán hoaù tieàn sinh hoïc.

17. Hoaù thaïch laø:

A. hieän töôïng cô theå sinh vaät bò bieán thaønh ñaù.

B. di tích cuûa sinh vaät soáng trong caùc thôøi ñaïi ñaõ ñeå laïi trong caùc lôùp ñaát ñaù.

C. xaùc cuûa sinh vaät ñöôïc baûo veä trong thôøi gian dìa maø khoâng bò phaâ huyû.

D. söï cheá taïo ra caùc con vaät baèng ñaù nhaèm muïc ñích thaåm mó.

18. Ngöôøi ta döïa vaøo tieâu chí naøo sa ñaây ñeå chia lòch söû Traùi Ñaát thaønh caùc ñaïi, caùc kæ?

A. Nhöõng bieán ñoåi lôùn veà ñòa chaát, khí haäu vaø theá giôùi sinh vaät.

B. Quaù trình phaùt trieån cuûa theá giôùi sinh vaät.

C. Thôøi gian hình thaønh vaø phaùt trieån cuûa Traùi Ñaát.

19. Keát luaän naøo sau ñaây chöa chính xaùc?

A. Lòch söû cuûa Traùi Ñaát ñöôïc chia thaønh 5 ñaïi, ñaïi Nguyeân sinh chieám thôøi gian daøi nhaát.

B. Söï pgaùt trieån cuûa sinh vaät luoân keùo theo söï bieán ñoåi veà ñòa chaát, khí haäu.

C. Caùc loaøi xuaát hieän sau thöôøng tieán hoaù hôn caùc loaøi xuaát hieän tröôùc.

D. Sinh vaät ñaàu tieân xuaát hieän ôû treân caïn, sau ñoù di cö xuoáng döôùi nöôùc.

20. Trong lòch söû phaùt trieån cuûa theá giôùi sinh vaät, caøng veà sau, söï tieán hoaù dieãn ra vôùi toác ñoä caøng nhanh. Nguyeân nhaân chuû yeáu laø do caøng veà sau thì

A. tính ña daïng cuûa giôùi sinh vaät caøng taêng leân thuùc ñaåy nhau cuøng tieán hoaù.

B. sinh vaät ñaït ñöôïc nhöõng trình ñoä thích nghi hoaøn thieän hôn, ít leä thuoäc vaøo moâi tröôøng.

C. toác ñoä bieán ñoåi cuûa ñòa chaát, khí haäu dieãn ra caøng nhanh.

D. trình ñoä toå chöùc cuûa cô theå caøng cao neân sinh vaät deã phaùt sinh caùc bieán dò.

21. Trong lòch söû phaùt trieån cuûa theá giôùi sv, coù raát nhieàu loaøi bò tuyeät chuûng. Nguyeân nhaân chuû yeáu laøm cho caùc loaøi bò tieâu dieät haøng loaït laø

A. loaøi xuaát hieän sau ñaõ tieâu dieät nhöõng loaøi sv xuaát hieän tröôùc.

B. coù söï caïnh tranh khoác lieät giöõa caùc loaøi vôùi nhau.

C. coù söï thay ñoåi lôùn veà ñòa chaát vaø khí haäu.

D. coù söï thay ñoåi lôùn veà nguoàn thöùc aên vaø nôi ôû.

22. Keát luaän naøo sau ñaây chöa chính xaùc?

A. Söï bieán ñoåi veà ñòa chaát, khí haäu ñaõ thuùc ñaåy söï phaùt trieån cuûa sinh giôùi.

B. Söï phaùt rieån cuûa sinh giôùi ñaõ thuùc ñaåy söï bieán ñoåi ñòa chaát vaø khí haäu.

C. Söï bieán ñoåi thöôøng ñöôïc baét ñaàu töø ñoäng vaät, qua ñoù aûnh höôûng tôùi thöïc vaät.

D. Caøng veà sau thì söï tieán hoaù dieãn ra vôùi toác ñoä caøng nhanh.

23. Baèng chöùng quan troïng nhaát ñeå chöùng toû ôû ñaïi Thaùi coå, söï soáng ñaõ phaùt sinh laø

A. söï coù maët cuûa than chì vaø ñaù voâi.

B. hoaù thaïch cuûa caùc loaøi vi khuaån.

C. söï soáng ñang taäp trung döôùi nöôùc.

D. hoaù thaïch cuûa caùc daïng ñoäng vaät nguyeân sinh.

24. ÔÛ ñaïi Thaùi coå, söï soáng ñang taäp trung döôùi nöôùc laø vì

A. cô theå coù caáu taïo ñôn giaûn. B. chöa coù taàng oâzoân ñeå ngaên chaën tia töû ngoaïi.

C. ñoäng vaät hoâ haáp baèng mang. D. haàu heát cô theå sinh vaät ñeàu ñôn baøo.

25. Khi noùi veà ñaïi Coå sinh, ñieàu naøo sau ñaây khoâng ñuùng?

A. ÔÛ ñv, caùc loaøi caù phaùt trieån maïnh vaø chieám öu theá.

B. ÔÛ tv, caây haït traàn phaùt trieån öu theá.

C. ÔÛ cuoái kæ, ñaõ xuaát hieän nhöõng ñaïi dieän ñaàu tieân cuûa boø saùt.

D. Sinh vaät ôû caïn phaùt trieån maïnh, söï tieán hoaù dieãn ra nhanh choùng.

26. Sự giống nhau trong phát triển phôi của các loài thuộc các nhóm phân loại khác nhau phản ánh

a. mức độ quan hệ giữa các loài b. sự tiến hoá phân li

c. quan hệ giữa phát triển cá thể và phát triển loài d. nguồn gốc chung của sinh giới

27. Các nhà khoa học đưa ra giả thuyết về nguồn gốc các hợp chất hữu cơ đơn giản đầu tiên trên Trái đất là:

a. Handan và Fox b. Oparin và Handan c. Oparin và Milơ d. Milơ và Fox

28. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sự kiện xảy ra trong giai đoạn tiến hoá hoá học?

a. do tác dụng của các nguồn năng lượng tự nhiên mà từ các chất vô cơ hình thành nên những hợp chất hữu cơ đơn giản đến phức tạp như axit amin, nuclêôtit

b. có sự tổng hợp các chất hữu cơ từ các chất vô cơ theo phương thức hoá học

c. trong khí quyển nguyên thuỷ của trái đất chưa có hoặc có rất ít oxi

d. quá trình hình thành các chất hữu cơ bằng con đường hoá học mới chỉ là giả thuyết chưa được chứng minh bằng thực nghiệm

29. Dạng vượn người nào sau đây có quan hệ họ hàng gần gũi với người nhất?

a. tinh tinh b. đười ươi c. gôrilia d. vượn

30. Trình tự các kỉ sớm đến muộn trong đại cổ sinh là

a. cambri => silua => đêvôn => pecmi => cacbon => ocđôvic

b. cambri => silua => cacbon => đêvôn => pecmi => ocđôvic

c. cambri => silua => pecmi => cacbon => đêvôn => ocđôvic

d. cambri => ocđôvic => silua => đêvôn => cacbon => pecmi

31. Đặc điểm nào sau đây **không** có ở kỉ Krêta?

a. sâu bọ xuất hiện b. xuất hiện thực vật có hoa

c. cuối kỉ tuyệt diệt nhiều sinh vật kể cả bò sát cổ d. tiến hoá động vật có vú

32. Trong lịch sử phát triển của sinh vật trên trái đất, cây có mạch dẫn và động vật đầu tiênh chuyển lên sống trên cạn vào đại

a. cổ sinh b. nguyên sinh c. trung sinh d. tân sinh

33. Loài người hình thành vào kỉ

a. đệ tam b. đệ tứ c. jura d. tam điệp

34. Bò sát chiếm ưu thế ở kỉ nào của đại trung sinh?

a. kỉ phấn trắng b. kỉ jura c. tam điệp d. đêvôn

35. Tiến hóa hóa học là quá trình

A. tổng hợp các chất hữu cơ từ các chất vô cơ theo phương thức hóa học.

B. tổng hợp các chất hữu cơ từ các chất vô cơ theo phương thức sinh học.

C. tổng hợp các chất vô cơ từ các chất hữu cơ theo phương thức sinh học.

D. tổng hợp các chất vô cơ từ các chất hữu cơ theo phương thức hóa học.

36. Khi nói về sự phát sinh loài người, điều nào sau đây **chưa chính xác**?

A. Loài người xuất hiện vào đầu kỉ đệ tứ ở đại tân sinh.

B. Vượn người ngày nay là tổ tiên của loài người.

C. Chọn lọc tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn tiến hóa từ vượn người thành người.

D. Có sự tiến hóa văn hóa trong xã hội loài người.

37. Nội dung chủ yếu của thuyết “ ra đi từ Châu Phi” cho rằng

A. người H. sapiens hình thành từ loài người H. erectus ở châu Phi.

B. người H. sapiens hình thành từ loài người H. erectus ở các châu lục khác nhau.

C. người H. erectus di cư sang các châu lục khác sau đó tiến hóa thành H. sapiens.

D. người H. erectus được hình thành từ loài người H. habilis.

38. Dựa vào những biến đổi về địa chất, khí hậu,sinh vật.Người ta chia lịch sử trái đất thành các đại theo thời gian từ trước đên nay là

A. đại thái cổ, đại nguyên sinh, đại cổ sinh, đại trung sinh, đại tân sinh.

B. đại thái cổ, đại cổ sinh, đại trung sinh đại nguyên sinh, đại tân sinh.

C. đại cổ sinh, đại nguyên sinh, đại thái cổ, đại trung sinh, đại tân sinh.

D. đại thái cổ, đại nguyên sinh, đại trung sinh, đại cổ sinh, đại tân sinh.

39. Kết quả của tiến hoá tiền sinh học

A. hình thành các tế bào sơ khai. B. hình thành chất hữu cơ phức tạp.

C. hình thành sinh vật đa bào. D. hình thành hệ sinh vật đa dạng phong phú như hôm nay.

40. Điểm khác nhau cơ bản trong cấu tạo của vượn người với người là

A. cấu tạo tay và chân. B. cấu tạo của bộ răng.

C. cấu tạo và kích thước của bộ não. D. cấu tạo của bộ xương.

41. Sọ người có đặc điểm gì chứng tỏ tiếng nói phát triển?

A. có cằm. B. không có cằm C. xương hàm nhỏ D. không có răng nanh.

42. Thí nghiệm của Fox và cộng sự đã chứng minh

A. trong điều kiện khí quyển nguyên thuỷ đã có sự trùng phân các phân tử hữu cơ đơn giản thành các đại phân tử hữu cơ phức tạp.

B. trong điều kiện khí quyển nguyên thuỷ, chất hoá học đã được tạo thành từ các chất vô cơ theo con đường hoá học.

C. có sự hình thành các tế bào sống sơ khai từ các đại phân tử hữu cơ.

D. sinh vật đầu tiên đã được hình thành trong điều kiện trái đất nguyên thuỷ

43. Ý nghĩa của hoá thạch là

A. bằng chứng trực tiếp về lịch sử phát triển của sinh giới.

B. bằng chứng gián tiếp về lịch sử phát triển của sinh giới.

C. xác định tuổi của hoá thạch có thể xác định tuổi của quả đất.

D. xác định tuổi của hoá thạch bằng đồng vị phóng xạ.

44. Trôi dạt lục địa là hiện tượng

A. di chuyển của các phiến kiến tạo do sự chuyển động của các lớp dung nham nóng chảy.

B. di chuyển của các lục địa, lúc tách ra lúc thì liên kết lại.

C. liên kết của các lục địa tạo thành siêu lục địa Pangaea.

D. tách ra của các lục địa dẫn đến sự biến đổi mạnh mẽ về khí hậu và sinh vật.

45. Sinh vật trong đại thái cổ được biết đến là

A. hoá thạch sinh vật cổ sơ nhất. B. hoá thạch của động vật, thực vật bậc cao.

C. xuất hiện tảo. D. thực vật phát triển, khí quyển có nhiều oxi.

46. Trong giai đoạn tiến hóa hóa học, các hợp chất hữu cơ đơn giản và phức tạp được hình thành nhờ

A. các nguồn năng lượng tự nhiên.

B. các enzim tổng hợp.

C. sự phức tạp hóa các hợp chất hữu cơ.

D. sự đông tụ các chất tan trong đại dương nguyên thủy.

47. Người ta dựa vào tiêu chí nào sau đây để chia lịch sử trái đất thành các đại, các kỉ?

A. Những biến đổi lớn về địa chất, khí hậu và thế giới sinh vật.

B. Quá trình phát triển của thế giới sinh vật.

C. Thời gian hình thành và phát triển của trái đất.

D. Hóa thạch và khoáng sản.

48. Trong giai đoạn tiến hóa hóa học đã có sự

A. tổng hợp các chất hữu cơ từ chất vô cơ theo phương thức hóac học.

B. rạo thành các coaxecva theo phương thức hóa học .

C. hình thành mầm mốmg những cơ thể đầu tiên theo phương thức hóa học.

D. xuất hiện các enzim theo phương thức hóa học.

49. Sự sống đầu tiên xuất hiện trong môi trường

A. trong nứơc đại dương B. khí quyển nguyên thủy.

C. trong lòng đất. D. trên đất liền.

50. Quá trình tiến hoá của sự sống trên Ttrái đất có thể chia thành các giai đoạn

A. tiến hoá hoá học, tiến hoá tiền sinh học. B. tiến hoá hoá học, tiến hoá sinh học.

C. tiến hoá tiền sinh hoc, tiến hoá sinh học.

D. Tiến hoá hoá học, tiến hoá tiền sinh học, tiến hoá sinh học.

51. Tiến hoá tiền sinh học hình thành

A. các hợp chất hữu cơ từ các chất vô cơ.

B. tế bào sơ khai và sau đó là hình thành những tế bào sống đầu tiên.

C. các cơ thể đơn bào đơn giản, các loaì sinh vật như ngày nay dưới tác động của các nhân tố tiến hoá.

D. cả A và C

52. Tiến hoá tiền sinh học là giai đoạn tiến hoá hình thành

A. các tế bào sơ khai và sau đó là hình thành những tế bào sống đầu tiên.

B. các hợp chất hữu cơ từ các chất vô cơ.

C. các loài sinh vật như ngày nay dưới tác động của các nhân tố tiến hoá.

D. cả A và C

53. Đại địa chất nào đôi khi còn được gọi là kỉ nguyên của bò sát?

A. Đại thái cố B. Đại cổ sinh C. Đại trung sinh D. Đại tân sinh.

54. Điểm quan trọng trong sự phát triển của sinh vật trong đại Cổ sinh là

A. phát sinh thực vật và các ngành động vật,

B. sự phát triển cực thịnh của bò sát

C. sự tích luỹ ôxi trong khí quyển, sinh vật phát triển đa dạng, phong phú .

D. sự di cư của thực vật và động vật từ dưới nước lên cạn.

55. Sau khi tách ra từ tổ tiên chung, nhánh vượn người cổ đại đã phân hoá thành nhiều loài khác nhau, trong số đó có một nhánh tiến hoá hình thành chi Homo. Loài xuất hiện đầu tiên trong chi Homo là

A. Homo habilis B. Homo sapiens C. Homo erectus D. Homo neanderthalensis.

56. Khi nói về đại Tân sinh, điều nào sau đây không đúng?

a. cây hạt kín, chim, thú và côn trùng phát triển mạnh ở đại này.

b. được chia thành 2 kỉ, trong đó loaì người xuất hiện và kỉ đệ tứ

c. phân hoá các lớp chim, thú, côn trùng.

d. ở kỉ đệ tam, bò sát và cây hạt trần phát triển ưu thế.